

Bản án số: 1064/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế, hủy
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
727/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia di sản
thừa kế, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4520/2024/QĐPT-DS ngày
27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm: 1950 (chết năm 2021)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị G:

1.1/ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 403/21 Đường Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp.

Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hà Vĩnh T, sinh năm 1977 (có
mặt).

Địa chỉ: A Khu phố N, Phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

1.2/ Ông Huỳnh Vinh Q, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Địa chỉ: D OrangeWood Ave, APT A, Anaheim CA 92802, USA

Đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 4 Đường B, Phường A, Quận B, Tp ..

2/ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm: 1956 (có mặt)

Cùng cư ngụ tại: 4 Đường B, Phường A, Quận B, Tp .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hà Vĩnh T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: A Khu phố N, Phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Huỳnh Thị T1, Sinh năm 1940 (vắng mặt);

Địa chỉ: 91/4 Đường N, Tổ C, Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966 (có mặt);

HKTT: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: 84/11/29 khu B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966 (có mặt);

HKTT: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: 163/4 lô 8, ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Luật sư Nguyễn Thị Thu T2 – Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

3/ Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 9 Đường N, Tổ C, ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu trung tâm hành chính, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông Huỳnh Vinh Q, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Địa chỉ: D Orangewood Ave, APT A, Anaheim CA 92802, USA

Đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: 4 Đường B, Phường A, Quận B, Tp ..

4/ Bà Huỳnh Thị Lương D, sinh năm 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5/ Ông Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966 (có mặt)

HKTT: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên hệ: 84/11/29 khu B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai

6/ Bà Huỳnh Thị Lương T3, sinh năm 1968 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

7/ Bà Huỳnh Thị Lương N1, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

- 8/ Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: 9 Đường N, Tổ C, ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai
- 9/ Ông Huỳnh Thiện N2, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai
- 10/ Ông Huỳnh Hữu Á, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở hiện nay: ấp D, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- 11/ Bà Huỳnh Thị Lương C, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai
- 12/ Bà Huỳnh Thị Lương D1, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai
- 13/ Ông Dương Vĩnh L, sinh năm 1959 (có mặt) .
Địa chỉ: A đường A, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh
- 14/ Ông Dương L1, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: D K, khu P, thị trấn T, huyện B, T4 phố Hồ Chí M.
- 15/ Anh Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991 (vắng mặt)
- 16/ Anh Dương Vĩnh H, sinh năm 2003 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện theo ủy quyền của anh L2, anh H: anh Võ Nam L3, sinh năm 2000 (có mặt)
Địa chỉ: ấp D, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Địa chỉ liên hệ: số D đường số G, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 17/ Chị Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- 18/ Chị Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: tổ D, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2021, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn bà Huỳnh Thị S có đại diện theo ủy quyền ông Lê Hà Vĩnh T trình bày:

Cha mẹ bà S bà T là ông Huỳnh Phong R, sinh năm 1910, mất năm 1985 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1912, mất năm 1993. Ông bà chung sống có 5 người con gồm:

1. Huỳnh Vinh Q, sinh năm 1942
2. Huỳnh Kim M1, sinh năm 1938 mất năm 1979 có các con:
 - Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966
 - Huỳnh Thị Lương T3, sinh năm 1968

- Huỳnh Thị Lương N1, sinh năm 1969
 - Huỳnh Thanh N, sinh năm 1970
 - Huỳnh Thiện N2, sinh năm 1972
 - Huỳnh Hữu Á, sinh năm 1974
 - Huỳnh Thị Lương C, sinh năm 1976
 - Huỳnh Thị Lương D1, sinh năm 1978.
3. Huỳnh Thị T1, sinh năm 1942
 4. Huỳnh Thị G, sinh năm 1950 (chết năm 2021)
 5. Huỳnh Thị S, sinh năm 1956.

Trước đây ông trình bày ông R bà P1 chỉ có 5 người con là chưa chính xác mà còn có người con nữa là bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001, theo như phía bị đơn trình bày là đúng.

Ngoài những người con trên ông R và bà P1 không có con riêng, con nuôi hay con ngoài giá thú cả trong nước hoặc nước ngoài. Khi qua đời ông R bà P1 có để lại rất nhiều di sản thừa kế chưa chia; trong đó bao gồm nhà thờ tổ và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: 9 đường N, tổ C, ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thửa đất 269, tờ bản đồ 04, diện tích 1893m². Trong đó có 300m² đất thổ và 1593m² đất trồng cây lâu năm.

Đây là một trong những di sản thừa kế chưa chia khi cha mẹ của nguyên đơn lần lượt qua đời năm 1993. Sau khi bà P1 qua đời, anh em nguyên đơn thống nhất về phần di sản gồm nhà thờ từ đường do chính cha mẹ nguyên đơn xây dựng và anh em nguyên đơn và bị đơn từng sống và lớn lên từ mảnh đất này sẽ do bà Huỳnh Thị T1 tạm thời trông nom và gia đình người cháu là Huỳnh Thanh N tạm thời sống trên đó.

Tháng 12/2019 gia đình có họp gia tộc để chia số tiền về việc bán 1 phần tài sản của cha mẹ nguyên đơn để chia đều cho 5 người con. Sau khi chia tiền xong, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đối với thửa 269, tờ bản đồ 04 diện tích 1893m² trên có căn nhà thờ từ đường do cha mẹ nguyên đơn xây dựng nên mọi người vẫn đồng ý để cho bà Huỳnh Thị T1 và gia đình người cháu là ông Huỳnh Thanh N được tạm thời sinh sống và sinh hoạt nhưng phải giữ gìn tài sản của ông bà tạo dựng. Vào tháng 4/2021 khi gia tộc nhất trí sẽ bán một phần đất phía sau để chia đều cho các hàng thừa kế, còn căn nhà thờ tổ thì mọi người muốn giữ lại để thờ cúng. Khi họp thì đồng ý bán chia làm 5 phần nhưng ông Huỳnh Thanh N là người cháu nhất quyết không đồng ý và nói là bà Huỳnh Thị T1 đã bán tài sản. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn mới biết phần tài sản trên bà T1 làm hợp đồng chuyển nhượng giả tạo phần di sản của bà P1 cho con ông M1 là ông Huỳnh Thanh N và Huỳnh Vạn P vào tháng 2/2020.

Trước đây ông là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị G. Tuy nhiên bà G đã bị bệnh chết năm 2021 và cũng không có chồng con là người thừa kế của bà G. Như vậy hiện tại trong gia đình bà S chỉ còn 5 người sẽ được

hưởng thừa kế. Trong đó bà C1 chết thì con bà được hưởng.

Nay đại diện cho nguyên đơn ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị T1 với ông Huỳnh Thanh N và ông Huỳnh Vạn P ngày 8/2/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L theo số hợp đồng: 21/2020, quyển số 01/2020 - SCT/HĐ.GD

- Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA803234, số vào sổ cấp GCN: CH03585 tại thửa đất 269 tờ bản đồ 04 tại xã L, Huyện N, do Ủy ban nhân dân Huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2010 cấp cho bà Huỳnh Thị T1

- Chia di sản thừa kế do cha mẹ nguyên đơn để lại cho 6 người con. Tuy nhiên nguyên đơn bà Huỳnh Thị G đã chết không có chồng con nên đề nghị chia đều cho tất cả anh em còn lại thành 5 phần gồm (bà Huỳnh Thị S, bà Huỳnh Thị C1 (chết) có con cháu được hưởng, ông Huỳnh Vinh Q, Ông Huỳnh Kim M1 (chết) có con cháu được hưởng và bà Huỳnh Thị T1 đối với di sản là diện tích đất 1893m² (trừ ra diện tích 222 m² mà ông P, ông N cho rằng bà T1 mua của người khác) thuộc thửa số 269 tờ bản đồ 04 tại xã L, Huyện N, tỉnh Đồng Nai hiện nay được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đ cấp ngày 20/02/2020 cho ông Huỳnh Thanh N và ông Huỳnh Vạn P theo giấy chứng nhận số Cu 929727, cụ thể yêu cầu chia diện tích đất còn lại là 1671m² gồm các mốc (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 13, 1) theo Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 212/2022 ngày 6/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Bà S đề nghị chia theo giá trị đất cho bà hưởng 1 phần theo giá Chứng thư thẩm định giá. Không tranh chấp tài sản trên đất.

Bị đơn ông Huỳnh Vạn P, bà Huỳnh Thị T1 (bà T1 ủy quyền cho ông P) trình bày:

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp theo như nguyên đơn trình bày là của ông R bà P1 là đúng. Tuy nhiên về quan hệ huyết tộc theo như nguyên đơn trình bày là chưa chính xác. Ông R bà P1 chung sống với nhau có tất cả 6 người con chứ không phải 5 người con, ngoài 5 người con như nguyên đơn đã trình bày thì ông R bà P1 còn có một người con nữa là bà:

- Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001. Có 4 người con gồm:

1. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1958, chết năm 2016 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

2. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Dương Văn T6, sinh năm 1961. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1990 và 01 người nữa không nhớ rõ họ tên. ở C.

4. Dương L1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông R mất 1985, bà P1 năm 1993. Thực tế ngoài tài sản đang tranh chấp thì ông R bà P1 còn có một số tài sản khác, nhưng năm 1989 sau khi ông R chết

thì bà P1 đã đứng ra chia tài sản cho các con, kể cả phần đất đang tranh chấp. Phần bà G bà S thì được bán ruộng mua nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, bà C1 thì được chia phần đất khác. Riêng phần đất đang tranh chấp thì chia cho bà T1. Khi chia nhà đất cho các con thì cũng không có làm văn bản gì, chỉ nói miệng chia cho người này chỗ này, chia cho người kia chỗ khác. Tuy nhiên lúc đó cũng không có ai thắc mắc gì nên đến năm 1999 thì bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó đến nay cũng không ai có kiến kiến thắc mắc tranh chấp gì. Đến tháng 2 năm 2020 bà Huỳnh Thị T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng lại cho tôi Huỳnh Thanh N và anh tôi Huỳnh Vạn P diện tích nhà đất trên của cho chúng tôi, do chúng tôi đã ở trên đất từ nhỏ đến nay và bà T1 cũng không có con. Đến ngày 20/2/2020 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số CU 929727, CU 929728 cho ông Huỳnh Thanh N và ông Huỳnh Vạn P đứng tên đồng sở hữu diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L. Trong diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L còn có diện tích đất ngang 4,5m x dài 28m = 126m² do bà T1 mua lại của bà Nguyễn Thị B năm 1991 (có giấy mua bán). Sau đó bà T1 đăng ký kê khai mới gộp cả 2 diện tích đất lại mới thành diện tích 1893m² như hiện nay.

Ông xác định diện tích nhà đất đang tranh chấp đã được bà P1 chia cho bà T1 đứng tên và năm 2020 bà T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho ông và ông N nên nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo ông biết thì hiện nay bà Huỳnh Thị G cũng đã chết và bà cũng không có con cái. Việc bà T1 chuyển nhượng cho ông và ông N thì không làm giấy giao nhận tiền nhưng đã ra làm thủ tục công chứng sang tên.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh N trình bày:

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp theo như nguyên đơn trình bày là của ông R bà P1 là đúng. Tuy nhiên về quan hệ huyết tộc theo như nguyên đơn trình bày là chưa chính xác. Ông R bà P1 chung sống với nhau có tất cả 6 người con chứ không phải 5 người con, ngoài 5 người con như nguyên đơn đã trình bày thì ông R bà P1 còn có một người con nữa là bà :

- Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001. Có 4 người con gồm:

1. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1955, chết năm 2017 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

2. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Dương Văn T6, sinh năm 1960. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1990 và 01 người nữa không nhớ rõ họ tên. ở C.

4. Dương L1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông R mất 1985, bà P1 mất năm 1993. Thực tế ngoài tài sản đang tranh chấp thì ông R bà P1 còn có một số tài sản khác, nhưng năm 1989 sau khi ông R chết thì bà P1 đã đứng ra chia tài sản cho các con, kể cả phần đất đang tranh

chấp. Phần bà G bà S thì được bán ruộng mua nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, bà C1 thì được chia phần đất khác. Riêng phần đất đang tranh chấp thì chia cho bà T1. Khi chia nhà đất cho các con thì cũng không có làm văn bản gì, chỉ nói miệng chia cho người này chỗ này, chia cho người kia chỗ khác. Tuy nhiên lúc đó cũng không có ai thắc mắc gì nên đến năm 1999 thì bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó đến nay cũng không ai có kiến thức thắc mắc tranh chấp gì. Đến tháng 2 năm 2020 bà Huỳnh Thị T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Thanh N và anh ông Huỳnh Vạn P diện tích nhà đất trên của cho các ông, do các ông đã ở trên đất từ nhỏ đến nay và bà T1 cũng không có con. Đến ngày 20/2/2020 Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận QSD đất số CU 929727, CU 929728 cho ông Huỳnh Thanh N và Huỳnh Vạn P đứng tên đồng sở hữu diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L. Trong diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L còn có diện tích đất ngang 4,5m x dài 28m = 126m² do bà T1 mua lại của bà Nguyễn Thị B năm 1991 (có giấy mua bán). Sau đó bà T1 đăng ký kê khai mới gộp cả 2 diện tích đất lại mới thành diện tích 1893m² như hiện nay.

Ông xác định diện tích nhà đất đang tranh chấp đã được bà P1 chia cho bà T1 đứng tên và năm 2020 bà T1 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho ông và ông P nên nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo ông biết thì hiện nay bà Huỳnh Thị G cũng đã chết và bà cũng không có con cái. Việc bà T1 chuyển nhượng cho ông P cho ông thì không làm giấy giao nhận tiền nhưng đã ra làm thủ tục công chứng sang tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương D trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh Kim M1 (chết) và là chị ruột của ông Huỳnh Vạn P và ông Huỳnh Thanh N nay bà cũng thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông N. Nguồn gốc diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L là của ông R bà P1 chia lại cho cha bà, theo như lời trình bày của ông N là đúng. Nay bà không có ý kiến thắc mắc bổ sung. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do không tranh chấp gì trong vụ án này và phải lo làm ăn đi lại khó khăn nên bà xin phép được vắng mặt tại Tòa trong các buổi làm việc, hòa giải và kể cả khi xét xử.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương N1 trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh Kim M1 (chết) và là em ruột của ông Huỳnh Vạn P và là chị ruột của ông Huỳnh Thanh N nay bà cũng thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông N. Nguồn gốc diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L là của ông R bà P1 chia lại cho cha bà, theo như lời trình bày của ông N là đúng. Nay bà không có ý kiến thắc mắc bổ sung. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do không tranh chấp gì trong vụ án này và phải lo làm ăn đi lại khó khăn

nên bà xin phép được vắng mặt tại Tòa trong các buổi làm việc và kể cả khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương T3 trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh Kim M1 (chết) và là em ruột của ông Huỳnh Vạn P và là chị ruột của ông Huỳnh Thanh N nay bà cũng thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông N. Nguồn gốc diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L là của ông R bà P1 chia lại cho cha bà, theo như lời trình bày của ông N là đúng. Nay bà không có ý kiến thắc mắc bổ sung. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do không tranh chấp gì trong vụ án này và phải lo làm ăn đi lại khó khăn nên bà xin phép được vắng mặt tại Tòa trong các buổi làm việc và kể cả khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương C trình bày:

Bà là con ruột của ông Huỳnh Kim M1 (chết) và là em ruột của ông Huỳnh Vạn P và ông Huỳnh Thanh N. Nguồn gốc diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L là của ông R bà P1 (ông nội, bà nội bà) để lại chưa chia cho ai. Theo như anh N trình bày diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L ông bà nội bà đã chia lại cho cha bà là không đúng vì cha bà đã chết khoảng năm 1978 chết trước bà nội (bà P1) và cũng không có chia cho bà T1, bà T1 sau này cũng chỉ là người đứng tên giùm. Do trên diện tích đất có nhà thờ nên cha bà sống ở trên đó cùng với ông nội, bà nội và anh em bà cũng ở trên đó từ nhỏ cùng với bà Huỳnh Thị T1 quản lý diện tích đất trên. Tới năm năm 2007 bà mới đi làm ăn xa không ở trên nhà đất đó nữa nhưng có đi đi về về thăm nhà.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế bà đề nghị toà án chia theo quy định pháp luật. Phần bà là con của ông M1 nếu được hưởng phần thừa kế của cha thì bà cũng đồng ý nhận.

Do phải lo làm ăn đi lại khó khăn nên bà xin phép được vắng mặt tại Tòa trong các buổi làm việc, hòa giải và kể cả khi xét xử

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thiện N2 trình bày:

Ông là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M2 (chết năm 1979). Đối với yêu cầu khởi kiện của bà G, bà S về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà T1, ông N và ông P cũng như hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T1 thì ông không liên quan gì nên không có ý kiến. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà G và bà S đối với diện tích đất thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 04, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông được chia di sản trên thì ông đồng ý nhận phần di sản của mình được chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương D1 trình bày:

Bà là con của ông Huỳnh Kim M1 (chết) và là em ruột của ông Huỳnh Vạn P và Huỳnh Thanh N nay bà cũng thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông

P, không có ý kiến thắc mắc bổ sung. Nay cũng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Dương Vĩnh L trình bày:

Bà Huỳnh Thị C1 là con ruột của ông Huỳnh Phong R và bà Nguyễn Thị P1. Ông là con ruột của bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001. Bà có 4 người con gồm:

1. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959
2. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1955, chết năm 2017 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).
3. Dương L1, sinh năm 1963
Địa chỉ: D K, khu phố D, thị trấn T, B, thành phố Hồ Chí Minh.
4. Dương Văn T6, sinh năm 1961. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991; Dương Vĩnh H, sinh năm 2003. CDC: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Nay ông cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia diện tích 1671m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L cho những người thừa kế theo qui định của pháp luật và cũng thống nhất chia giá trị đất theo chứng thư thẩm định giá.

Do bận công việc, đi lại khó khăn nên ông xin phép vắng mặt tại Tòa trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả khi tòa đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương L1 trình bày:

Bà Huỳnh Thị C1 là con ruột của ông Huỳnh Phong R và bà Nguyễn Thị P1. Ông là con ruột của bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001. Bà có 4 người con gồm:

1. Dương L1, sinh năm 1963
2. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1958, chết năm 2016 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).
3. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959. Địa chỉ: A đường A, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Dương Văn T6, sinh năm 1961. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991; Dương Vĩnh H, sinh năm 2003. CDC: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Nay ông cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia diện tích 1671m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L cho những người thừa kế theo qui định của pháp luật và cũng thống nhất chia giá trị đất theo chứng thư thẩm định giá.

Do bận công việc, ở xa, đi lại khó khăn nên ông xin phép vắng mặt tại

Tòa trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả khi tòa đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Vĩnh L2, ông Dương Vĩnh H ủy quyền cho ông Võ Nam L3 trình bày:

Bà Huỳnh Thị C1 là con ruột của ông Huỳnh Phong R và bà Nguyễn Thị P1. Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001. Bà C1 có 04 người con gồm:

1. Dương Văn T6, sinh năm 1961. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991; Dương Vĩnh H, sinh năm 2003. CDC: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Anh L2, anh H là con của ông T6, gọi bà Huỳnh Thị C1 là bà nội.

2. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959. Địa chỉ: A đường A, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1958, chết năm 2016 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

4. Dương L1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đ: D5/18 K, khu phố D, thị trấn T, B, thành phố Hồ Chí Minh.

Nay đại diện cho ông H, ông L2 ông cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia diện tích 1671m², thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L cho những người thừa kế theo qui định của pháp luật và cũng thống nhất chia giá trị đất theo chứng thư thẩm định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Phạm Ánh H1 trình bày:

Bà Huỳnh Thị C1 là con ruột của ông Huỳnh Phong R và bà Nguyễn Thị P1. Bà Huỳnh Thị C1 là, sinh năm 1935, chết năm 2001. Bà C1 có 4 người con gồm:

1. Dương Văn T6, sinh năm 1961. Mất năm 2009. Có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991; Dương Vĩnh H, sinh năm 2003. CDC: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Tôi là con của ông T6, gọi bà Huỳnh Thị C1 là bà nội.

2. Dương Vĩnh L, sinh năm 1959. Địa chỉ: A đường A, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Dương Vĩnh H2, sinh năm 1958, chết năm 2016 (có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai).

4. Dương L1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: D K, khu phố D, thị trấn T, B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị là con ruột của ông Dương Vĩnh H2, sinh năm 1958, chết năm 2016. Cha chị có 02 người con là Dương Phạm Ánh H1 và Dương Phạm Anh T5. Bà

Huỳnh Thị C1 là bà nội của chị.

Nguồn gốc diện tích đất 1893m², thửa 269, tờ bản đồ 04, tọa lạc tại xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai là của ông R bà P1. Trước đây khi còn sống bà C1 cũng được bà P1 chia tài sản. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho chị được hưởng 01 phần di sản thừa kế của tất cả các tài sản tranh chấp trong vụ án này thì chị xin hưởng phần di sản thừa kế của mình, nếu chị không được hưởng phần thừa kế nào theo quy định của pháp luật thì chị cũng đồng ý.

Chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên đối chất, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Phạm Anh T5 trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà Dương Phạm Ánh H1 tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2023. Bà xác định không tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho chị được hưởng 01 phần di sản thừa kế của tất cả các tài sản tranh chấp trong vụ án này thì bà xin hưởng phần di sản thừa kế của mình, nếu bà không được hưởng phần thừa kế nào theo quy định của pháp luật thì bà cũng đồng ý.

Bà xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên đối chất, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại văn bản số 144/UBND ngày 22/11/2023, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L trình bày:

Ngày 22/11/2023 Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nhận được thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc mời tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST-DS ngày 8/7/2021, về “ Tranh chấp di sản thừa kế ” giữa: Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1950, bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1956; bị đơn: bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1940, ông Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966, ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1971; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã L.

Ủy ban nhân dân xã L không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã L xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên Tòa xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại văn bản số 7280/UBND- TP ngày 25/8/2021, các văn bản tiếp theo có tại hồ sơ, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện N nhận được Thông báo số 31/TB-TLVA ngày 8/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thụ lý vụ án “ Tranh chấp chia di sản thừa kế” giữa bà Huỳnh Thị G và bà Huỳnh Thị T1.

Qua xem xét Báo cáo số 677/BC-TNMT ngày 11/8/2021 của Phòng T7, Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Ngày 15/9/1999, Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận QSD đất số L480417 mang tên bà Huỳnh Thị T1 đối với thửa đất số 226 1.868m²) 181 (1.1015m²), tờ bản đồ số 01 (cũ), xã L.

Ngày 8/6/2009, bà Huỳnh Thị T1 có đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 226, diện tích 1.868m², tờ bản đồ số 01 (cũ) tương ứng thửa đất số 269, diện tích 1.893m², tờ bản đồ số 02 Mới), xã L được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận QSD đất số BA 803234 cấp ngày 3/12/2010. Sau đó, bà Huỳnh Thị T1 lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho ông Huỳnh Vạn P và ông Huỳnh Thanh N (đồng sử dụng) thửa đất số 269, diện tích 1893m², tờ bản đồ số 02 mới, xã L được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ (TUQ> Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ) cấp giấy chứng nhận QSD đất số CU929727 (mang tên ông N) và số CU929728 (mang tên ông P) cấp ngày 20/2/2020.

Nhận thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Huỳnh Thị T1 đúng với hồ sơ do bà T1 đăng ký và theo trình tự thủ tục quy định. Hiện bà T1 đã chuyển quyền sử dụng đất sang người khác. Do đó, đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số BA 803234 ngày 3/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì lý, do Công tác Ủy ban nhân dân huyện vắng mặt không tham gia phiên tòa theo thời gian quy định tại Quyết định số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 2/1/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đồng thời trong trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức những phiên Tòa tiếp theo (nếu có) để giải quyết vụ án trên, Ủy ban nhân dân huyện S vắng mặt không tham dự, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 372/2024/QĐ-SCBSBA ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1/Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy CNQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà T1 ngày 03/12/2010.

2/Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1893m² (trong đó có 1.671m² là di sản của ông R, bà P1) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L giữa bà T1 với ông N, ông P, được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 08/02/2020.

3/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

- Chia di sản của ông Huỳnh Phong R, bà Trần Thị P2 là diện tích đất 1.671m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L, trị giá 20.790.102.000 đồng theo pháp luật cho bà Huỳnh Thị S và 4 kỹ phần thừa kế gồm: Ông Huỳnh Vinh Q, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị C1 (chết) , ông Huỳnh Văn M3 (chết), mỗi kỹ phần là 4.158.020.400 đồng.

Ông Huỳnh Văn M3 (chết) có các con là Huỳnh Vạn P, Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Thị Lương T3, Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Hữu Á, Huỳnh Thị Lương C, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Thị Lương D1 được hưởng thừa kế thế vị mỗi người được hưởng 1 kỹ phần của ông M1 là 462.002.266 đồng.

Bà C1 chết có con là Dương L1, Dương Vĩnh L, Dương Văn T6, Dương Văn H3 hưởng thừa kế thế vị mỗi người được hưởng 1 kỹ phần của bà C1 là 1.039.505.100 đồng. Ông Dương Văn T6 chết có con là Dương Vĩnh L2, Dương Vĩnh H mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là 519.752.550 đồng. Ông Dương Văn H3 chết có con là Dương Phạm Anh T5, Dương Phạm Ánh H1 mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là 519.752.550 đồng.

- Giao cho ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.671m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L gồm các mốc (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 13, 1) theo Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 212/2022 ngày 6/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ- chi nhánh N3.

- Ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N phải có nghĩa vụ trích trả cho các kỹ phần thừa kế gồm bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Vinh Q, bà Huỳnh Thị T1 mỗi người một kỹ phần số tiền 4.158.020.400 đồng. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 gồm là Huỳnh Vạn P, Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Thị Lương T3, Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Hữu Á, Huỳnh Thị Lương C, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Thị Lương D1 mỗi người 1 kỹ phần là 462.002.266 đồng. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị C1 gồm Dương L1, Dương Vĩnh L mỗi người một kỹ phần là 1.039.505.100 đồng. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn H3 gồm Dương Phạm Ánh H1, Dương Phạm Anh T5 mỗi người một kỹ phần là 519.752.550 đồng. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn T6 gồm Dương Vĩnh L2, Dương Vĩnh H mỗi người một kỹ phần là 519.752.550 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, chi phí ủy thác tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2024 các bị đơn bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là bà Huỳnh Thị T1 (có ông Huỳnh Vạn P đại diện theo ủy quyền), ông Huỳnh Vạn P và ông Huỳnh Thanh N thống nhất vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm tố tụng, đánh giá chứng cứ không khách quan.

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị S (có ông Lê Hà Vĩnh T đại diện theo ủy quyền) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Huỳnh Thị G là các ông, bà Huỳnh Thị S (có ông Lê Hà Vĩnh T đại diện theo ủy quyền) và Huỳnh Vinh Q (có bà Huỳnh Thị S đại diện theo ủy quyền) thống nhất không đồng ý kháng cáo của các bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Thị Lương T3 và Huỳnh Thị Lương D1 thống nhất yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Bà Huỳnh Thị Lương D1 trình bày bà không được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản triệu tập tham gia phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị Lương C, Dương Vĩnh L, Dương L1, Dương Vĩnh L2, Dương Vĩnh H (ông L2, ông H có ông Võ Nam L3 đại diện theo ủy quyền) thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Vạn P là Luật sư Nguyễn Thị Thu T2 phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như xác định sai tư cách tố tụng của ông Huỳnh Vạn P trong vụ án; chấp nhận việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm, từ đó chia thừa kế toàn bộ đất tranh chấp là không đúng quy định và giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn; Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án ghi nhận bổ sung lời khai của bà D1 và việc vắng mặt của bà D1 là trái với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T, ông P, ông N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện N, các ông, bà Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Hữu Á, Dương Phạm Anh T5 và Dương Phạm Ánh H1, xin vắng mặt; Ủy ban nhân dân xã L vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[1.2] Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện chia toàn bộ di sản của cha mẹ (ông R, bà P2) để lại đối với thửa đất nêu trên. Quá trình tố tụng, các bên đều thừa nhận thửa đất số 269, tờ bản đồ 04 nêu trên là di sản do ông R, bà P2 để lại. Hơn nữa, tại các biên bản làm việc và phiên hòa giải, nguyên đơn đều trình bày yêu cầu chia toàn bộ di sản do cha mẹ để lại đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, bị đơn trình bày ý kiến không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu bổ sung nêu trên của nguyên đơn thực tế cũng đã được tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên của nguyên đơn là phù hợp và đảm bảo việc giải quyết triệt để vụ án chia di sản thừa kế, không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[1.3] Về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Vạn P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm có thiếu sót khi không ghi nhận ý kiến trình bày của bà Huỳnh Thị Lương D1 cũng như sai sót về lý do vắng mặt của bà D1 tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, khắc phục các sai sót nêu trên là phù hợp. Hơn nữa, việc sửa chữa, bổ sung bản án này cũng không làm thay đổi bản chất nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của đương sự. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Vạn P là không có cơ sở chấp nhận.

[1.4] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lương D1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt giấy triệu tập bà D1 tham gia phiên tòa sơ thẩm: Hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt cho bà D1 theo địa chỉ bà D1 cung cấp nhưng bà D1 không có mặt tại thời điểm tổng đạt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bà D1 không có chứng cứ chứng minh cho khai nhận nên trình bày của bà D1 là không có căn cứ chấp nhận.

[1.5] Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn bà Huỳnh Thị G chết năm 2021 không có chồng, con nên xác định các anh em của bà G là ông Huỳnh

Vinh Q, bà Huỳnh Thị T1 và bà Huỳnh Thị S là người thừa kế của bà G và tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà G. Tuy nhiên, do bà Huỳnh Thị T1 cũng đồng thời là bị đơn trong vụ án này, có quyền lợi đối lập với bà G nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Huỳnh Thị T1 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị G là chưa phù hợp nhưng xét thấy sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Cụ Huỳnh Phong R (sinh năm 1910, mất năm 1985) và cụ Nguyễn Thị P1 (sinh năm 1912, mất năm 1993) có 6 người con gồm:

1/ Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1935, chết năm 2001.

Có 4 người con gồm:

- Dương Vĩnh H2, sinh năm 1955, chết năm 2017, có 2 người con gồm Dương Phạm Ánh H1, sinh năm 1982; Dương Phạm Anh T5, sinh năm 1983.

- Dương Vĩnh L, sinh năm 1959.

- Dương Văn T6, sinh năm 1960, chết năm 2009, có 2 người con: Dương Vĩnh L2, sinh năm 1991 và Dương Vĩnh Hiếu sinh năm 2003

- Dương L1, sinh năm 1963.

2/ Ông Huỳnh Kim M1, sinh năm 1938, chết năm 1979, có 09 con:

- Huỳnh Thị Lương D, sinh năm 1964

- Huỳnh Vạn P, sinh năm 1966

- Huỳnh Thị Lương T3, sinh năm 1968

- Huỳnh Thị Lương N1, sinh năm 1969

- Huỳnh Thanh N, sinh năm 1970

- Huỳnh Thiện N2, sinh năm 1972

- Huỳnh Hữu Á, sinh năm 1974

- Huỳnh Thị Lương C, sinh năm 1976

- Huỳnh Thị Lương D1, sinh năm 1978.

3/ Ông Huỳnh Vinh Q, sinh năm 1942, cư trú tại Hoa Kỳ

4/ Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1942

5/ Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1950, chết ngày 03/8/2021(không chồng con)

6/ Huỳnh Thị S, sinh năm 1956.

Cụ R và cụ P1 chết không để lại di chúc.

[3] Phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.671m² nằm trong tổng diện tích 1.893m² (trong đó có 300m² đất thổ và 1593m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 269, tờ bản đồ 04, xã L, huyện N đang có nguồn gốc là của cụ Huỳnh Phong R và cụ Trần Thị P2. Khi cụ R và cụ P2 còn sống thì phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

[4] Bà Huỳnh Thị T1 cho rằng khi còn sống cha mẹ (cụ R và cụ P2) đã cho bà diện tích đất này, khi cho chỉ nói miệng. Sau đó, bà T1 đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/02/1999, được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/12/2010. Ngày 08/02/2020, bà T1 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 1893m² (trong đó có 1.671m² của ông R, bà P2) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L cho ông Huỳnh Thanh N và ông Huỳnh Vạn P (con ông M1, là cháu ruột gọi bà T1 là cô), được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực. Ngày 20/02/2020 ông P và ông N đứng tên đồng sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà T1, ông N, ông P cho rằng 1.671m² đất nêu trên không phải là di sản thừa kế của cụ R và cụ P2.

[5] Xét, các đồng thừa kế còn lại của cụ R và cụ P2 không thừa nhận cụ R, cụ P2 đã tặng cho (bằng miệng) bà T1 diện tích đất 1.671m². Ngoài lời trình bày, thì bà T1 không có tài liệu chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015 thì phần đất có diện tích 1.671m² thuộc thửa 269 tờ bản đồ 04 tại xã L là di sản thừa kế của ông R và bà P2 để lại chưa chia.

Về hàng thừa kế: Căn cứ Điều 613, 651, 652 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông R, bà P2 gồm có 06 người con ruột là: bà C1, bà M1, ông Q, bà T1, bà G, bà S. Trong đó, bà G đã chết năm 2021, không có chồng con nên không có người thừa kế thế vị. Vậy di sản thừa kế của cụ R và cụ P2 được chia thành 05 kỷ phần gồm:

- Bà Huỳnh Thị S
- Bà Huỳnh Thị T1
- Ông Huỳnh Vinh Q

- Bà Huỳnh Thị C1 chết năm 2001 nên 04 người con của bà C1 được nhận thừa kế kỷ phần bà C1 được hưởng gồm: Dương Vĩnh H2 (nay là người thừa kế của ông H2), Dương Vĩnh L, Dương Văn T6 (nay là người thừa kế của ông T6), Dương L1);

- Ông Huỳnh Kim M1 chết năm 1979, chết trước cha mẹ nên 09 người con của ông M1 được nhận thừa kế kỷ phần của ông M1 được hưởng gồm: Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Vạn P, Huỳnh Thị Lương T3, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Hữu Á, Huỳnh Thị Lương C, Huỳnh Thị Lương D1.

[6] Do quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật. Vì vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá tại chứng thư thẩm định giá số 42 ngày 25/05/2022 của Công ty cổ phần T8 là có căn cứ.

[7] Trong vụ án này, tranh chấp phát sinh là do bà T1 đã đăng ký kê khai phần đất là di sản thừa kế của cha mẹ, nhưng không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra ông P, ông N cho rằng diện tích đất trên bà T1 đã chuyển nhượng cho các ông nhưng không có biên bản thể hiện đã giao nhận tiền cho bà T1 và các ông cũng không tranh chấp gì với bà T1 trong vụ án này nên cũng không xem xét giải quyết. Trong trường hợp quyền lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

Do nguyên đơn không yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật, chỉ yêu cầu nhận bằng tiền nên giao tài sản cho ông N, ông P tiếp tục sở hữu, sử dụng và buộc ông N, ông P thanh toán kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác theo giá đất tại chứng thư thẩm định giá.

Theo chứng thư thẩm định giá số 42 ngày 25/05/2022 của Công ty cổ phần T8: Đất ở nông thôn có giá 16.462.000 đồng/m²; đất cây lâu năm giá 11.562.000 đồng/m². Di sản thừa kế là 1.671m² đất (300m² đất ở và 1.371m² đất trồng cây lâu năm) sẽ có giá trị 300m² x 16.462.000 đồng/m² + 1.371m² x 11.562.000 đồng/m² = 4.938.600.000 đồng + 15.851.502.000 đồng = 20.790.102.000 đồng. Giá trị một kỷ phần thừa kế là 20.790.102.000 đồng/5 = 4.158.020.400 đồng.

[8] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà T1 ngày 03/12/2010 và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1893m² (trong đó có 1.671m² là di sản của ông R, bà P2) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L giữa bà T1 với ông N, ông P, được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 08/02/2020, tại phiên tòa sơ thẩm, bà S đã rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là có căn cứ.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bà T1 là người cao tuổi nên được miễn; Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P, ông N phải chịu, theo quy định pháp luật án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 372/2024/QĐ-SCBSBA ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 601, 612, 613, 623, Điều 649, 650, 651, 652 BLDS 2015, Án lệ số 26/2018; Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy CNQSDĐ do UBND huyện N cấp cho bà T1 ngày 03/12/2010.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1893m² (trong đó có 1.671m² là di sản của ông R, bà P2) thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L giữa bà T1 với ông N, ông P, được UBND xã L chứng thực ngày 08/02/2020.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

- Chia di sản của ông Huỳnh Phong R, bà Trần Thị P2 là diện tích đất 1.671m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L, trị giá 20.790.102.000đ theo pháp luật cho bà Huỳnh Thị S và 4 kỷ phần thừa kế gồm: Ông Huỳnh Vinh Q, bà Huỳnh Thị T1, bà Huỳnh Thị C1 (chết) , ông Huỳnh Văn M3 (chết), mỗi kỷ phần là 4.158.020.400đ.

Ông Huỳnh Văn M3 (chết) có các con là Huỳnh Vạn P, Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Thị Lương T3, Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Hữu Á, Huỳnh Thị Lương C, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Thị Lương D1 được hưởng thừa kế thế vị mỗi người được hưởng 1 kỷ phần của ông M1 là 462.002.266đ.

Bà C1 chết có con là Dương L1, Dương Vĩnh L, Dương Văn T6 , Dương Văn H3 hưởng thừa kế thế vị mỗi người được hưởng 1 kỷ phần của bà C1 là 1.039.505.100đ. Ông Dương Văn T6 chết có con là Dương Vĩnh L2, Dương Vĩnh H mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là 519.752.550đ. Ông Dương Văn H3 chết có con là Dương Phạm Anh T5, Dương Phạm Ánh H1 mỗi người được hưởng thừa kế thế vị là 519.752.550đ.

- Giao cho ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.671m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ 04, xã L gồm các mốc (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 13, 1) theo Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ

địa chính số 2121/2022 ngày 6/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ-
chi nhánh N3.

- Ông Huỳnh Vạn P, ông Huỳnh Thanh N phải có nghĩa vụ trích trả cho các kỹ phần thừa kế gồm bà Huỳnh Thị S, ông Huỳnh Vinh Q, bà Huỳnh Thị T1 mỗi người một kỹ phần số tiền 4.158.020.400đ. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 gồm là Huỳnh Vạn P, Huỳnh Thị Lương D, Huỳnh Thị Lương T3, Huỳnh Thiện N2, Huỳnh Hữu Á, Huỳnh Thị Lương C, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thị Lương N1, Huỳnh Thị Lương D1 mỗi người 1 kỹ phần là 462.002.266đ. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị C1 gồm Dương L1, Dương Vĩnh L mỗi người một kỹ phần là 1.039.505.100đ. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn H3 gồm Dương Phạm Ánh H1, Dương Phạm Anh T5 mỗi người một kỹ phần là 519.752.550đ. Trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Văn T6 gồm Dương Vĩnh L2, Dương Vĩnh H mỗi người một kỹ phần là 519.752.550đ.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị T1 được miễn. Hoàn trả cho bà T1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000204 ngày 14/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Ông Huỳnh Vạn P và ông Huỳnh Thanh N, mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cân trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo biên lai thu số 0000205 ngày 14/3/2024 và số 0000201 ngày 13/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhật Bình